

Bản án số: 53/2024/HS-ST

Ngày: 24 – 7 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỠ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lý Văn Huân.

2/ Ông Hà Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2024/TLST – HS ngày 12 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Văn N**, tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1999 tại huyện C, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: bản N, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn H và bà: Vi Thị H1; có vợ Lang Thị A và 01 người con; Tiền án: Năm 2021 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 54/2021/HS-ST ngày 10/8/2021, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2023 (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2024 bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 132/2024/HSST ngày 25/6/2024. Ngày 26/3/2024 bị Công an huyện D, tỉnh Bắc Ninh khởi tố bị can theo Quyết định số 118/QĐ-CSHS về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự; Tạm giữ, tạm giam: Không (đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”). (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà **Nguyễn Thị Quỳnh T** – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An – Công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý Nhà nước H, thị xã TH, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- *Bị hại:* Anh **Vi Văn H2**, sinh năm: 1994; Nơi cư trú: bản P, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* 1. Anh **Lương Khánh D** sinh ngày: 06/6/2006. Người đại diện hợp pháp là bà **Lò Thị H3**, sinh năm: 1985 – Là mẹ đẻ. Đều cư trú tại: bản M, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

2. Anh **Vi Hải H4**, sinh năm: 2004; Nơi cư trú: bản M, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17/4/2023, sau khi đến làm việc tại trụ sở Công an xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An, bị cáo Vi Văn N đi bộ một mình khi đi qua nhà của anh Vi Văn H2 ở bản P, xã T, huyện C, quan sát thấy trong nhà anh H2 không có người ở nhà và thấy trong sân nhà có 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE@, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 37G1-156.12, trên ổ khóa xe có cắm sẵn chìa khóa, lúc đó N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô để bỏ trốn khỏi địa phương nên đã vào dắt chiếc xe mô tô ra ngoài rồi điều khiển đi đến nhà anh Vi Hải H4 trú tại bản M, xã B, huyện C để chơi, N không tiết lộ thông tin chiếc xe mô tô mình đi là tài sản do trộm cắp mà có. Ngồi chơi tại nhà anh H4 được một lúc thì có anh Lương Khánh D là hàng xóm của anh H4 đến chơi, thấy N có xe mô tô nên anh D hỏi mượn để chạy ra quán tạp hóa mua đồ và được N đồng ý, sau khi mua đồ xong anh D quay lại nhà anh H4 để trả xe cho N, trên đường về lực lượng Công an xã phát hiện chiếc xe mô tô anh D đang điều khiển là xe của anh H2 trình báo bị mất trộm nên đã cùng anh D đến nhà anh H4 để đưa N về trụ sở làm rõ sự việc, khi nhìn thấy lực lượng Công an xã đến N đã bỏ trốn ra sau đồi nhà anh H4 rồi tiếp tục bắt xe khách trốn đi ra các tỉnh phía bắc cho đến lúc phạm tội mới và bị bắt giữ.

Bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS, ngày 05/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND huyện Quỳnh Châu kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE@, màu sơn xanh đen bạc, số khung 3912KY412195, số máy JA39E1281877, biển số 37G1-156.12, xe đã qua sử dụng có giá trị là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Bản cáo trạng số: 45/CT-VKS-QC, ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, truy tố bị cáo Vi Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn N từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Buộc bị cáo Vi Văn N chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và đề nghị không xem xét áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Chiếc xe mô tô đã được cơ quan điều tra Công an thu hồi và ra quyết định trả lại cho bị hại, nên đề nghị không xem xét thêm.

Về phần dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì nên đề nghị không xem xét.

- Bản bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: Về tội danh hoàn toàn nhất trí theo truy tố của Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét đến các yếu tố bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi chưa xảy ra thiệt hại, bị hại không yêu cầu bồi thường về phần dân sự, bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ. Từ những phân tích đã nêu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù là hợp lý. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với bị cáo, đối với phần xử lý vật chứng và án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận, không bổ sung vào bản bào chữa cho mình. Lời nói sau cùng tại phiên tòa bị cáo nhận tội và xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại và người làm chứng, đại diện

hợp pháp của người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Sự vắng mặt của bị hại, những người làm chứng và người đại diện hợp pháp của người làm chứng, trong quá trình giải quyết vụ án đã lấy lời khai đầy đủ phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại không có yêu cầu về phần dân sự nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Căn cứ đơn trình báo của bị hại, biên bản sự việc, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, kết luận định giá tài sản, bản tự khai, lấy lời khai, hỏi cung của bị cáo, lời khai của bị hại và người làm chứng, cũng như các tài liệu, chứng cứ khách quan khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định.

Sáng ngày 17/4/2023 tại nhà của anh Vi Văn H2 ở bản P, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An, bị cáo Vi Văn N đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE@, màu sơn xanh đen bạc, số khung 3912KY412195, số máy JA39E1281877, biển số 37G1-156.12, xe đã qua sử dụng được xác định là tài sản hợp pháp của anh Vi Văn H có giá trị là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và mức hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, theo truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người và đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh xã hội tại địa phương, gây tâm lý lo lắng, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã từng có hành vi vi phạm pháp luật và bị buộc chấp hành án phạt tù nhưng không lấy đó làm bài học cho mình mà tiếp tục cố ý phạm tội, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản nhằm phục vụ mục đích, nhu cầu riêng của cá nhân, nên khi lượng hình cần buộc bị cáo chịu mức án tương xứng với mức độ, hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra, do đó cần xem xét cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã

hội một thời gian, để bị cáo được giáo dục, cải tạo, sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân tốt, sống có ích và nhằm răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đó là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa cho thấy, bản thân bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động tự do, không có công việc, nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng và khả năng để thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Anh Vi Hải H4 và Lương Khánh D không biết chiếc xe mô tô bị cáo Vi Văn N sử dụng là tài sản do phạm tội mà có, nên cơ quan chức năng không xem xét xử lý trách nhiệm là đúng quy định.

[6] Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE@, màu sơn xanh đen bạc, số khung 3912KY412195, số máy JA39E1281877, biển số 37G1-156.12, xe đã qua sử dụng được xác định là tài sản hợp pháp của anh Vi Văn H2, tại giai đoạn điều tra cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Châu ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Việc trả lại vật chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết, xét xử vụ án và đúng quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu trách nhiệm bồi thường về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vi Văn N chịu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Châu;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh Châu;
- THADS huyện Quỳnh Châu;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại;
- lưu HS, VP;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Đông